

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế đăng ký và cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Quyết định số 657-QĐ/ĐC ngày 04 tháng 11 năm 1997 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) Ban hành Quy chế quản lý chất lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ; Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế đăng ký và cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

Xét Tờ trình số 136/TTr-TNMT ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực sau 15 ngày từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (Để thi hành);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP (Đ/c Toại), CV: NĐ, XD, CN;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lô Ích Giang

QUY ĐỊNH

VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG (Ban hành kèm theo Quyết định số 1537/2006/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2006 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
2. Hoạt động đầu tư để đo đạc lập bản đồ bằng kinh phí Nhà nước hoặc sản phẩm đo đạc, bản đồ dùng để tính toán quy hoạch, giao đất, cho thuê đất, thiết kế các công trình sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Quy định này được hiểu như sau:

1. *Hệ quy chiếu* là hệ thống tọa độ toán học trong không gian và trên mặt phẳng để biểu thị lên đó các kết quả đo đạc và bản đồ; hệ quy chiếu Quốc gia là hệ quy chiếu được lựa chọn để sử dụng thống nhất trong cả nước.
2. *Hệ thống không ảnh* là các loại ảnh bay chụp mặt đất và mặt biển từ các thiết bị đặt trên máy bay (ảnh máy bay) và trên vệ tinh hoặc tàu vũ trụ (ảnh vệ tinh), bao gồm: Hệ thống không ảnh cơ bản phục vụ thành lập hệ thống bản đồ địa hình quốc gia và hệ thống bản đồ nền, hệ thống không ảnh chuyên dụng phục vụ các mục đích khác nhau.
3. *Công trình xây dựng đo đạc bao gồm:*
 - a) Các trạm quan trắc cố định về thiên văn, trắc địa, vệ tinh, trọng lực, độ cao, độ sâu, thời gian (sau đây gọi chung là trạm quan trắc cố định);

b) Các điểm gốc đo đạc quốc gia;

c) Các cơ sở kiểm định tham số của thiết bị đo đạc, sau đây gọi chung là cơ sở kiểm định thiết bị đo đạc.

d) Dấu mốc của các điểm thuộc hệ thống điểm đo đạc cơ sở (sau đây gọi chung là dấu mốc đo đạc).

4. *Sản phẩm đo đạc* là kết quả thực hiện các thể loại đo đạc, công trình xây dựng đo đạc và các tư liệu thuyết minh kèm theo, dữ liệu đo và dữ liệu đã xử lý, không ảnh và không ảnh đã xử lý, các tư liệu điều tra khảo sát có liên quan.

5. *Sản phẩm bản đồ* là các loại sơ đồ, bình đồ, bản đồ, bản đồ ảnh, tập bản đồ, atlas, sa bàn, bản đồ nổi, quả địa cầu được thành lập trên các loại vật liệu truyền thống hoặc trên phương tiện kỹ thuật số. Ấn phẩm bản đồ là sản phẩm bản đồ được nhân bản trên giấy, trên các loại vật liệu khác hoặc nhân bản bằng kỹ thuật số.

6. *Công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ* bao gồm sản phẩm đo đạc, sản phẩm bản đồ, kết quả nghiên cứu khoa học trái đất bằng phương pháp đo đạc, sản phẩm dịch vụ đo đạc và bản đồ.

7. *Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ* bao gồm các sản phẩm đo đạc từ các vật kiến trúc thuộc công trình xây dựng đo đạc, sản phẩm bản đồ, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống thông tin đất đai.

8. *Ngoại nghiệp* là tác nghiệp đo đạc ở ngoài thực địa.

9. *Nội nghiệp* là tác nghiệp, xử lý kết quả đo đạc và biên tập bản đồ ở trong phòng.

Điều 3. Các hoạt động và đo đạc bản đồ chuyên ngành đều phải sử dụng thống nhất

1. Hệ quy chiếu theo hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰45', ở khu vực đã có lưới địa chính thì thống nhất sử dụng tọa độ, độ cao theo lưới địa chính từ cấp II trở lên.

2. Đối với hoạt động đo đạc và bản đồ có sử dụng bản đồ nền địa hình thì sử dụng thống nhất bản đồ nền bản đồ địa hình được lập theo Dự án xây dựng bản đồ

địa chính bằng không ảnh để khai thác quỹ đất, phát triển sản xuất và ổn định dân cư thuộc 4 tỉnh miền núi đặc biệt khó khăn là Hà Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lào Cai (gọi tắt là Dự án không ảnh).

Điều 4. Cơ quan Nhà nước về đo đạc và bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan giúp UBND Tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Quản lý sử dụng thống nhất bản đồ nền, tư liệu đo đạc cơ sở.

b) Hướng dẫn, trợ giúp công tác thẩm định dự án, phương án, hạng mục đo đạc bản đồ, kiểm tra, thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

c) Tổ chức đăng ký hoạt động và đo đạc bản đồ, thẩm định hồ sơ cấp giấy phép, lập và quản lý cơ sở dữ liệu, đăng ký, cấp phép hoạt động đo đạc - bản đồ.

d) Giúp UBND Tỉnh xác nhận đăng ký hoạt động và đo đạc bản đồ đối với văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện và các tổ chức cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ ở địa phương không thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của Cục đo đạc và Bản đồ.

đ) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý khối lượng, chất lượng sản phẩm của các chủ đầu tư; các thủ tục đăng ký, cấp giấy phép hoạt động và đo đạc, bản đồ và thực hiện nội dung được đăng ký, cấp giấy phép của các tổ chức có hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

e) Xác nhận điều kiện, năng lực hành nghề đo đạc và bản đồ đã đăng ký khi có yêu cầu của chủ đầu tư hoặc của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

g) Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm trong hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân có hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo thẩm quyền.

h) Xây dựng cơ chế, chính sách quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Tổ chức lập dự án, phương án đầu tư phù hợp với các định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật hiện hành.
2. Trình các cấp có thẩm quyền thẩm định: phê duyệt dự án, phương án đo đạc và bản đồ hoặc dự án có hạng mục đo đạc và bản đồ theo đúng quy định của Luật quản lý đầu tư.
3. Lựa chọn đơn vị, cá nhân có đủ tư cách pháp nhân, có giấy phép hoặc đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung của dự án để thực hiện các nội dung về đo đạc và bản đồ.
4. Chỉ nghiệm thu các công trình – sản phẩm đo đạc và bản đồ đã qua kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu chất lượng. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã nghiệm thu.

Điều 6. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Thực hiện đúng thủ tục xin đăng ký, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.
2. Chỉ được thực hiện các hợp đồng đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung bản đăng ký, giấy phép hành nghề đo đạc và bản đồ, đảm bảo đúng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật được quy định trong dự án, phương án kinh tế - kỹ thuật và quy trình, quy phạm đo đạc và bản đồ. Đồng thời chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình thực hiện.
3. Thực hiện chế độ báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường theo định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của đơn vị mình trong năm.

Điều 7. Công nghệ lập bản đồ.

Nhà nước khuyến khích việc đo đạc, lập bản đồ bằng công nghệ số. Đối với các loại bản đồ dùng để làm nền tính toán quy hoạch, giao đất, cho thuê đất, thiết kế các công trình thì phải lập ở hai dạng là dạng giấy và dạng số.

Điều 8. Cơ sở pháp lý của hoạt động đo đạc và bản đồ

Hoạt động đo đạc và bản đồ phải tuân thủ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn, quy trình, quy phạm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ chuyên ngành và các quy định cụ thể trong quy định này.

Chương II.

ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 9. Các hoạt động đo đạc và bản đồ phải xin cấp giấy phép và đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Danh mục các hoạt động và đo đạc bản đồ phải có giấy phép.
 - a) Khảo sát, lập dự án, TK-KT dự toán công trình đo đạc và bản đồ.
 - b) Kiểm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.
 - c) Xây dựng lưới tọa độ, độ cao quốc gia.
 - d) Xây dựng hệ thống điểm đo đạc cơ sở trọng lực, thiên văn, vệ tinh, độ sâu.
 - đ) Chụp ảnh mặt đất từ máy bay.
 - e) Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000 đến 1/10.000.
 - g) Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 đến 1/5000.
 - h) Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính cơ sở các tỷ lệ.
 - i) Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính các tỷ lệ.
 - k) Đo vẽ thành lập bản đồ địa giới hành chính các cấp.
 - l) In các loại bản đồ.
 - m) Kiểm định các thiết bị, máy móc đo đạc và bản đồ.
 - n) Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ.

2. Các lĩnh vực không thuộc danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép ở khoản 1 điều 9 của quy định này thì phải đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 10. Điều kiện đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các tổ chức trong nước đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ đối với đơn vị sự nghiệp; có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề đo đạc và bản đồ đối với tổ chức kinh tế;

b) Có số lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật đo đạc bản đồ phù hợp với định biên quy định trong định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện 01 (một) sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc nội dung đăng ký.

c) Có số lượng trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với định mức thiết bị máy móc quy định trong định mức kinh tế – kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện 01 (một) sản phẩm đo đạc bản đồ thuộc nội dung đăng ký.

2. Các cá nhân đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có bằng đại học cao đẳng hoặc trung học chuyên ngành đo đạc và bản đồ.

b) Có đủ điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 điều này.

Cá nhân chỉ được đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 9 quy định này và do 01 (một) cá nhân thực hiện.

Điều 11. Thủ tục đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ lập 02 (hai) bản đăng ký theo mẫu số kèm theo quy định này và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Khi nhận được bản đăng ký hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ, xác nhận đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ, lập sổ

theo dõi chậm nhất là vào ngày làm việc tiếp theo và gửi cho tổ chức, cá nhân đăng ký 01 (một) bản.

Đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ đã được xác nhận; trường hợp không chấp nhận đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do.

Điều 12. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Có quyết định thành lập của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong đó quy định chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ đối với đơn vị sự nghiệp; Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề đo đạc và bản đồ đối với tổ chức kinh tế;

2. Có số lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật đo đạc bản đồ phù hợp với định biên quy định trong định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện 01 (một) sản phẩm đo đạc bản đồ thuộc nội dung đề nghị cấp giấy phép;

3. Có cán bộ phụ trách kỹ thuật trình độ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung đo đạc và bản đồ đề nghị cấp giấy phép và có thực tế hoạt động đo đạc và bản đồ ít nhất 03 (ba) năm;

4. Có số lượng trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với định mức thiết bị máy móc quy định trong định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện 01 (một) sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc nội dung đề nghị cấp giấy phép.

Điều 13. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ lập hồ sơ thành 02 (hai) bộ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo mẫu số 3 kèm theo quy định này;

b) Bản sao Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chứng nhận của công chứng Nhà nước, bản sao Giấy phép đầu tư có chứng nhận của công chứng Nhà nước đối với tổ chức quy định tại khoản 1 điều 1 của quy định này;

c) Bản sao Quy chế hoặc Điều lệ hoạt động của tổ chức có chứng nhận của công chứng Nhà nước.

2. Trình tự nộp hồ sơ và cấp giấy phép:

Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, lập biên bản thẩm định theo mẫu số 4 kèm theo quy định này và gửi biên bản thẩm định kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ cho Cục Đo đạc và Bản đồ để cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; lập sổ theo dõi cấp giấy phép trước khi trao cho đơn vị.

Điều 14. Thủ tục bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức đề nghị bổ sung nội dung giấy phép đo đạc và bản đồ lập hồ sơ thành 02 (hai) bộ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị bổ sung nội dung giấy phép theo mẫu số 3 kèm theo quy định này;

b) Báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức kể từ khi được cấp giấy phép theo mẫu số 6 kèm theo quy định này;

c) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

2. Hồ sơ đề nghị bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định và đề nghị Cục Đo đạc Bản đồ bổ sung nội dung giấy phép; vào sổ theo dõi trước khi trao giấy phép đã bổ sung cho đơn vị.

Điều 15. Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, khi giấy phép hết thời gian quy định tổ chức có nhu cầu tiếp tục hoạt động đo đạc và bản đồ.

1. Tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, lập hồ sơ thành 02 (hai) bộ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo mẫu số 7 kèm theo quy định này;

b) Báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức kể từ khi được cấp giấy phép theo mẫu số 6 kèm theo quy định này;

c) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định và đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ gia hạn giấy phép, vào sổ theo dõi trước khi trao giấy phép đã gia hạn cho đơn vị.

Điều 16. Cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

1. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

a) Bị mất.

b) Bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được.

2. Tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép tại Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định và đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ cấp lại giấy phép; lập sổ theo dõi trước khi trao giấy phép cho đơn vị.

Trường hợp tổ chức bị mất giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, tìm lại được giấy phép sau khi đã được cấp lại thì phải nộp giấy phép tìm lại được cho Sở Tài nguyên và Môi trường để gửi về Cục Đo đạc và Bản đồ.

Điều 17. Xóa đăng ký, thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Xóa đăng ký, thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trong trường hợp:

a) Có vi phạm pháp luật, hoạt động không đúng nội dung giấy phép, đăng ký.

b) Không còn đủ điều kiện đăng ký quy định tại điều 7 hoặc điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ và quy định tại điều 9 của quy định này.

c) Không tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, có nhiều sản phẩm hoặc sản phẩm có giá trị lớn không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

2. Thủ tục xóa đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ

a) Căn cứ biên bản xác định các trường hợp phải xóa đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định xóa đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ.

b) Ra thông báo chấm dứt hiệu lực đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ gửi các đơn vị, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ, các cơ quan Nhà nước của Tỉnh, UBND các huyện, thị.

3. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ:

a) Căn cứ biên bản xác định các trường hợp phải thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

b) Thực hiện thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quyết định của Cục Đo đạc và Bản đồ.

c) Ra thông báo thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gửi đơn vị, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ và các cơ quan Nhà nước của Tỉnh, UBND các huyện, thị.

Điều 18. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp giấy phép, đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ, báo cáo định kỳ hàng năm.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nội dung đã đăng ký, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Trong quá trình kiểm tra, thanh tra nếu phát hiện tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ nào vi phạm sẽ bị xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo pháp luật hiện hành.

3. Hàng năm các đơn vị, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ phải báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của đơn vị mình về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12 để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh và Cục Đo đạc và Bản đồ.

Chương III.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ BẰNG VỐN NHÀ NƯỚC DÙNG VÀO QUY HOẠCH, THIẾT KẾ, GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT

Điều 19. Lập, thẩm định và phê duyệt dự án, phương án đo đạc và bản đồ, dự án có hạng mục đo đạc và bản đồ.

Dự án, phương án đo đạc và bản đồ, dự án có hạng mục đo đạc và bản đồ phải quy định cụ thể khối lượng, nội dung, tiêu chuẩn kỹ thuật và phải được Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Sở chuyên ngành thẩm định, được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành. Trường hợp đo đạc nhỏ lẻ để lập dự án đầu tư thì không nhất thiết phải lập dự án, phương án đo đạc và bản đồ, nhưng hợp đồng kinh tế phải quy định rõ khối lượng, nội dung, tiêu chuẩn kỹ thuật đo đạc và bản đồ.

Đối với vùng nông thôn chưa có bản đồ địa chính chính quy thì khi xây dựng các công trình nhỏ lẻ như: Trụ sở, phân trường, sân vận động, đường liên thôn, tuyến nước sinh hoạt tự chảy... nếu địa điểm xây dựng cách điểm tọa độ gần nhất trên 1,5 km thì có thể áp dụng phương pháp giả định về tọa độ, độ cao.

Trường hợp điểm tọa độ, độ cao bị mất trên thực địa thì cũng có thể áp dụng phương pháp giả định về tọa độ và độ cao.

Điều 20. Tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật trong dự án, phương án đo đạc và bản đồ

Kinh phí hoạt động đo đạc và bản đồ được quản lý theo quy định của Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và UBND Tỉnh. Tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ trong dự án, phương án đo đạc và bản đồ được xây dựng trên cơ sở quy trình, quy phạm kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ chuyên ngành ban hành theo thẩm quyền quy định tại điều 21 Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ.

Điều 21. Lựa chọn đơn vị thi công

Chủ đầu tư phải lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ tư cách pháp nhân, có đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ, giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung dự án, phương án đo đạc và bản đồ để thực hiện các nội dung đo đạc, lập bản đồ.

Điều 22. Trình tự kiểm tra nội nghiệp, ngoại nghiệp, thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm của các cấp.

1. Tổ trưởng sản xuất phải tự kiểm tra đầy đủ, chặt chẽ tất cả các nội dung công trình – sản phẩm của tổ.
2. Thủ trưởng đơn vị sản xuất phải tự mình hoặc cử cán bộ kiểm tra kỹ thuật, chất lượng công trình – sản phẩm của các tổ sản xuất.
3. Thủ trưởng các đơn vị thi công phải cử cán bộ kiểm tra kỹ thuật, chất lượng công trình – sản phẩm của đơn vị sản xuất.
4. Thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư phải cử cán bộ kiểm tra kỹ thuật, chất lượng công trình – sản phẩm và nghiệm thu các công trình sản phẩm đã qua kiểm tra xác nhận đạt yêu cầu chất lượng.
5. Sở chuyên ngành có trách nhiệm thẩm định chất lượng và khối lượng sản phẩm hoàn thành theo dự án, phương án đã được phê duyệt. Trường hợp không lập dự án, phương án thì chủ đầu tư có trách nhiệm tự thẩm định hoặc thuê tư vấn thẩm định.

Điều 23. Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công trình đo đạc và bản đồ

1. Phiếu kiểm tra ngoại nghiệp dùng để ghi kết quả đối soát, đo đạc, tính toán các nội dung đo vẽ ngoại nghiệp và so sánh với tiêu chuẩn kỹ thuật.
2. Biên bản kiểm tra ngoại nghiệp dùng để tổng hợp kết quả kiểm tra ngoại nghiệp theo các phiếu kiểm tra và ý kiến nhận xét, đánh giá, đề xuất biện pháp xử lý của người kiểm tra.
3. Phiếu kiểm tra nội nghiệp dùng để ghi kết quả đối soát, tính toán các nội dung công tác nội nghiệp và so sánh với tiêu chuẩn kỹ thuật.

4. Biên bản kiểm tra nội nghiệp dùng để tổng hợp kết quả kiểm tra nội nghiệp theo các phiếu kiểm tra và ý kiến nhận xét, đánh giá, đề xuất biện pháp xử lý của người kiểm tra.

5. Biên bản nghiệm thu công trình – sản phẩm đo đạc và bản đồ được xác nhận đạt yêu cầu chất lượng.

Điều 24. Giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Sản phẩm giao nộp cho chủ đầu tư ở dạng giấy và dạng số theo số lượng quy định trong Dự án hoặc phương án, được sử dụng để lập các quy hoạch, mặt bằng giao đất, cho thuê đất, thiết kế các công trình sử dụng vốn Nhà nước.

Chương IV.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ KHAI THÁC THÔNG TIN ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc và bản đồ.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc cơ sở quốc gia từ hạng III trở xuống và dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của Tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc và bản đồ của cấp huyện, xã và các tổ chức, cá nhân

b) Giải quyết hoặc thông báo cho Cục Đo đạc và Bản đồ, cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc của các sở, ban, ngành của Tỉnh trong trường hợp công trình xây dựng trên thửa đất làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc để quyết định hủy bỏ, gia cố hoặc di dời.

c) Báo cáo hàng năm với Cục Đo đạc và Bản đồ về hiện trạng dấu mốc đo đạc trên phạm vi địa phương mình kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị có trách nhiệm:

a) Chỉ rõ cho người được giao đất, thuê đất về các dấu mốc đo đạc đã có trên thửa đất và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất tại thực địa.

b) Xem xét tại hiện trường và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng các dấu mốc đo đạc bị xâm hại có khả năng bị xâm hại trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cán bộ Địa chính xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cán bộ Địa chính xã).

c) Báo cáo hàng năm bằng văn bản với Sở Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng dấu mốc đo đạc trên phạm vi địa phương mình kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

4. Cán bộ Địa chính cấp xã có trách nhiệm:

a) Quản lý và bảo vệ các dấu mốc đo đạc trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã theo các biên bản bàn giao dấu mốc đo đạc cho UBND cấp xã.

b) Sau khi nhận bàn giao dấu mốc đo đạc, cán bộ Địa chính xã có trách nhiệm: Ghi vào phần ghi chú của sổ địa chính về dấu mốc đo đạc trên thửa đất, tuyên truyền phổ biến các quy định về quản lý và bảo vệ các dấu mốc đo đạc cho nhân dân tại địa phương; thường xuyên kiểm tra, nếu phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc có khả năng bị xâm hại hoặc bị xâm hại thì trong thời gian không quá 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi phát hiện phải báo cáo UBND cấp xã để có biện pháp ngăn chặn ngay hành vi xâm hại và trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc.

c) Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc thì cán bộ Địa chính xã phải chuyển đơn đến cấp có thẩm quyền theo quy định để giải quyết kịp thời.

5. Các Sở chuyên ngành khác của Tỉnh quản lý dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của ngành.

Điều 26. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân về bảo vệ công trình và dấu mốc đo đạc.

1. Mọi tổ chức, công dân có trách nhiệm bảo vệ công trình xây dựng đo đạc, không được hủy hoại hoặc cản trở việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng đo đạc. Khi phát hiện công trình xây dựng đo đạc có khả năng bị xâm hại hoặc bị xâm hại thì phải báo cáo ngay cho UBND cấp xã nơi có công trình xây dựng đo đạc biết để có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời và xử lý theo thẩm quyền.

2. Chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc có trách nhiệm:

a) Bảo vệ, không được làm hư hỏng dấu mốc đo đạc đặt trên thửa đất do mình sử dụng hoặc gắn vào công trình kiến trúc của mình trong quá trình sử dụng đất và công trình.

b) Trường hợp di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc có trên thửa đất hoặc gắn liền vào công trình kiến trúc thì phải có văn bản báo cáo cho cán bộ Địa chính xã để báo cáo cho cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản đồng ý của cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc và bản đồ.

c) Trường hợp phải cải tạo, tu sửa hoặc xây dựng mới công trình mà làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc thì chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình phải có văn bản gửi cho cán bộ Địa chính xã để báo cáo cho cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc theo quy định và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản trả lời của cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc và bản đồ.

Điều 27. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sử dụng công trình xây dựng đo đạc và bản đồ

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dấu mốc đo đạc phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc và bản đồ quy định tại khoản 1 điều 22 của quy định này.

2. Trường hợp các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng dấu mốc đo đạc thì phải liên hệ với cán bộ Địa chính xã để được chỉ dẫn. Trong quá trình sử dụng không được làm hư hỏng dấu mốc đo đạc, khi sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu.

Điều 28. Trách nhiệm của đơn vị xây dựng công trình đo đạc và bản đồ.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng dấu mốc đo đạc, đơn vị thực hiện phải có biên bản bàn giao dấu mốc đo đạc kèm theo sơ đồ vị trí và tình trạng dấu mốc đo đạc tại thực địa cho cán bộ Địa chính xã với sự có mặt của chủ sử dụng đất.

Điều 29. Trách nhiệm và thời hạn giải quyết của các cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc trong trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với các trường hợp quy định tại điểm b) và c) khoản 2 Điều 25 trong quy định này, kể từ ngày nhận được văn bản của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc biết.

2. Việc di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc phải được cập nhật trong hồ sơ, tài liệu liên quan đến dấu mốc đo đạc lưu trữ tại cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc.

Điều 30. Trách nhiệm về quản lý, sử dụng các tài liệu đo đạc bản đồ.

1. Các Sở chuyên ngành, chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài liệu đo đạc bản đồ do mình làm chủ đầu tư hoặc tiếp nhận được.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng các tài liệu về ảnh hàng không, lưới tọa độ, độ cao các cấp, bản đồ nền địa hình các loại tỷ lệ, bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, bản đồ hành chính và các bản đồ chuyên đề. Có trách nhiệm tổ chức cung cấp các loại bản đồ ở dạng số và dạng giấy, trích lục bản đồ và các tài liệu kèm theo.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã. Cung cấp các thông tin trích lục thửa đất từ bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa.

4. Cán bộ địa chính cấp xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Cung cấp thông tin trích lục thửa đất từ bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa.

Điều 31. Chế độ bảo mật khi cung cấp thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ phải chịu trách nhiệm bảo mật tài liệu, không được chuyển giao cho đơn vị, cá nhân khác mà chỉ được sử dụng nội bộ và trình cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý. Cơ quan quản lý thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ không được cung cấp bản đồ dạng số cho cá nhân.

2. Loại mật và thủ tục khai thác:

a) Loại mật gồm: Phim ảnh mặt đất chụp từ máy bay sau khi đã xóa mục tiêu quân sự có số lượng tờ liên kết diện tích một mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25 000 ở thửa địa, bản đồ Địa chất – khoáng sản, bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25 000 đến 1/100000 thành lập theo tọa độ và độ cao Nhà nước hệ VN-2000.

b) Thủ tục khai thác: Phải có công văn đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Loại không thuộc diện bảo mật và thủ tục khai thác:

a) Loại không thuộc diện bảo mật là bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1/10 000 của Dự án không ảnh, các điểm địa chính cơ sở, điểm địa chính cấp I, II bản đồ địa chính và bản đồ giải thửa đã qua chỉnh sửa sau khâu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ hành chính các cấp, các loại bản đồ chuyên đề.

b) Thủ tục khai thác: Đối với tổ chức thì phải có văn bản đề nghị của Thủ trưởng cơ quan... Đối với cá nhân thì phải có đơn hoặc phiếu đề nghị cung cấp thông tin tư liệu đo đạc bản đồ.

Điều 32. Quy định sử dụng các loại bản đồ được lập trước đây

Các bản đồ được lập trước đây theo hệ tọa độ, độ cao, bản đồ nền địa hình cũ vẫn được tiếp tục sử dụng nhưng chỉ được dùng để kết nối với các bản đồ khác sau khi đã được chuyển sang hệ tọa độ VN-2000.

Chương V.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

Các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ được xử lý theo Nghị định số 30/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ. Trường hợp có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ và quy định này. Chủ tịch UBND các huyện, thị, thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối giúp UBND tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định này.

Những quy định trước đây trái với quy định này đều bị hủy bỏ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lô Ích Giang